

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST

Ngày 24 tháng 04 năm 2025.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan.

2. Bà Nguyễn Ngọc Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Ông Trần Thanh Tuất – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định số 24/2025/QĐ-SCBSQĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Đoàn N, sinh năm 1989;

Địa chỉ thường trú: H2 khu 2, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số 06 đường N, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người được ủy quyền là:

1. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

3. Bà Võ Thị H1, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

4. Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 2000;

Nơi cư trú: Số 198 khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số 6 N, khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Tổ 6, ấp 2, xã H (nay là xã T), huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có mặt; bà G xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm H trình bày:**

Do quen biết nên ngày 02/6/2023, bà Nguyễn Thị G thỏa thuận giao dịch vay tiền của ông Lương Đoàn N số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng. Giữa ông N và bà G thỏa thuận vay với nhau bằng lời nói, vay không có lãi, thời hạn vay trong vòng 1 tuần (tức đến ngày 09/6/2023 bà G phải trả hết số tiền vay cho ông N).

Theo thỏa thuận vay tiền, ông N đã giao đủ tiền cho bà Nguyễn Thị G bằng hình thức chuyển khoản hai lần qua tài khoản ngân hàng của bà G, số tài khoản 590423688xxxx, ngân hàng A, cụ thể:

- Lần 1: Vào lúc 14h47p ngày 02/6/2023, ông N đã chuyển khoản cho bà G 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng, nội dung giao dịch “LUONG DOAN N chuyen tien c G muon tien”.

- Lần 2: Vào lúc 14h48p ngày 02/6/2023, ông N đã chuyển khoản cho bà G 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng, nội dung giao dịch “LUONG DOAN N chuyen tien c G muon tien 2”.

Ngày 17/6/2023, ông N đã nhắn tin qua zalo của bà G để đòi số tiền nợ nhưng bà G cứ hứa hẹn và hiện nay bà G vẫn không trả cho ông N số tiền vay 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng.

Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông N đã khởi kiện bà G tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc bà Nguyễn Thị G phải trả cho ông N tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/10/2024 là

1.016.383.561 (Một tỷ không trăm mười sáu triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi mốt) đồng, cụ thể: Tiền nợ gốc là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng. Tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất 10%/ năm, tính từ ngày 18/6/2023 đến ngày bà Nguyễn Thị G thực tế trả tiền, tạm tính đến ngày 02/10/2024 (472 ngày) là: $900.000.000 \times 10\% : 365 \times 472 = 116.383.561$ (Một trăm mười sáu triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi mốt) đồng.

Ngày 16/10/2024, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 231/2024/TLST-DS về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Ngày 25/12/2024, ông N sao kê tài khoản của ông N tại Ngân hàng Vietcombank từ ngày 02/06/2023 đến ngày 30/9/2024 thì kiểm tra lại thấy bà Nguyễn Thị G đã chuyển khoản trả cho ông N tổng số tiền 240.700.000 (hai trăm bốn mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng. Cụ thể:

STT	Ngày chuyển khoản	Số tiền chuyển khoản
1	19.6.2023	21.600.000
2	26.06.2023	12.600.000
3	04.07.2023	27.000.000
4	10.07.2023	27.000.000
5	17.07.2023	31.500.000
6	24.07.2023	31.500.000
7	31.07.2023	31.500.000
8	07.08.2023	31.500.000
9	23.08.2023	26.500.000
Tổng cộng		240.700.000

Ngày 12/2/2025 ông N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

Rút một phần yêu cầu bà Nguyễn Thị G phải trả cho ông N tổng số tiền là 271.826.136 (Hai trăm bảy mươi một triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi sáu) đồng, cụ thể: Tiền nợ gốc là 240.700.000 (Hai trăm bốn mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng. Tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ 240.700.000 ((Hai trăm bốn mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất 10%/ năm, tính từ ngày 18/6/2023 đến ngày 02/10/2024 (472 ngày) là: $240.700.000 \times 10\% : 365 \times 472 = 31.126.136$ (Ba mươi một triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi sáu) đồng.

Ông N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiếp tục giải quyết những yêu cầu sau: Tuyên buộc bà Nguyễn Thị G phải trả cho ông N tổng số

tiền tạm tính đến ngày 11/02/2025 là 756.298.383 (Bảy trăm năm mươi sáu triệu hai trăm chín mươi tám nghìn ba trăm tám mươi ba) đồng, cụ thể: Tiền nợ gốc là 659.300.000 (Sáu trăm năm mươi chín triệu ba trăm nghìn) đồng. Tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ 659.300.000 (Sáu trăm năm mươi chín triệu ba trăm nghìn) đồng tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất 10%/ năm, tính từ ngày 24/08/2023 đến ngày bà Nguyễn Thị G thực tế trả tiền, tạm tính đến ngày 11/02/2025 (537 ngày) là: $659.300.000 \times 10\% : 365 \times 537 = 96.998.383$ (chín mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi ba) đồng.

Nay tại phiên tòa ông N thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giải quyết tuyên buộc bà Nguyễn Thị G phải trả cho ông N tổng số tiền tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 24/4/2025) là 693.619.726 (Sáu trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm mười chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu) đồng, cụ thể: Tiền nợ gốc là 659.300.000 (Sáu trăm năm mươi chín triệu, ba trăm nghìn) đồng. Tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ 659.300.000 (Sáu trăm năm mươi chín triệu ba trăm nghìn) đồng tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất 10%/ năm, tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 16/10/2024) đến ngày bà Nguyễn Thị G thực tế trả tiền, tạm tính đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử 24/4/2025 (190 ngày) là: $659.300.000 \times 10\% : 365 \times 190 = 34.319.726$ (ba mươi bốn triệu, ba trăm mười chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu) đồng.

Ngoài ra ông N không có yêu cầu gì thêm.

Về án phí: Ông N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử bà G có trình bày ý kiến như sau:**

Bà thừa nhận việc vay tiền như trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ của ông Lương Đoàn N cung cấp cho Tòa án là đúng, cụ thể bà có vay tiền của ông N bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng số 590423688xxxx tại Ngân hàng A của bà G với tổng số tiền là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng vào ngày 02/6/2023. Khi vay hai bên không lập giấy vay tiền, không thỏa thuận thời gian chậm trả và không thỏa thuận lãi suất vay. Tuy nhiên bà G đã nhiều lần trả cho ông N một phần số tiền trên nhưng cụ thể bao nhiêu bà không xác định được. Bà trả trực tiếp cho ông N và trả bằng hình thức chuyển tiền khoản từ tài khoản Ngân hàng số 590423688xxxx của bà đến tài khoản ngân hàng số tài khoản 012100240xxxx tại Ngân hàng V của ông N. Bà G đề nghị Tòa án thu thập sao kê tài khoản của bà G và của ông N để xác định số tiền bà đã trả cho ông N. Bà đề nghị Tòa án xem xét số tiền bà đã trả căn trừ vào số tiền bà vay của ông N. Do bà hiện nay đang bị tạm giam nên bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực

hiện đúng quyền và N vụ của theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên Tòa án căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn để giải quyết dứt điểm vụ án là phù hợp.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Đoàn N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị G. Buộc bà Nguyễn Thị G phải có nghĩa vụ trả cho ông Lương Đoàn N tổng số tiền 693.619.726 (sáu trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm mười chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu) đồng, cụ thể: Tiền nợ gốc là 659.300.000 (Sáu trăm năm mươi chín triệu, ba trăm nghìn) đồng và tiền lãi chậm trả là 34.319.726 (ba mươi bốn triệu, ba trăm mười chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu) đồng.

Buộc bà G chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Lương Đoàn N số tiền 21.245.753 (hai mươi một triệu, hai trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi ba) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Lương Đoàn N nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị G, bà G có địa chỉ tại tổ 6, ấp 2, xã Hiếu Liêm (nay là xã Trị An), huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì quan hệ pháp luật của vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Bị đơn là bà Nguyễn Thị G không có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà G có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G.

[2]. Nội dung tranh chấp:

[2.1]. Trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn ông Lương Đoàn N và bị đơn bà Nguyễn Thị G đều thống nhất thừa nhận ông N thỏa thuận cho bà G vay tiền, bằng hình thức chuyển khoản hai lần qua tài khoản ngân hàng của bà G, số tài khoản 590423688xxxx, ngân hàng A, cụ thể: Lần 1: Vào lúc 14h47p ngày 02/6/2023, ông N đã chuyển khoản cho bà G 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng, nội dung giao dịch “LUONG DOAN N chuyen tien c G muon tien”.

Lần 2: Vào lúc 14h48p ngày 02/6/2023, ông N đã chuyển khoản cho bà G 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng, nội dung giao dịch “LUONG DOAN N chuyen tien c G muon tien 2”. Việc các đương sự đều thống nhất thừa nhận nội dung nêu trên qua đó thể hiện việc bà G có thực hiện giao dịch vay tiền của ông N tổng số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng là có thật. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện mà các đương sự không phải chứng minh.

[2.2]. Ông N rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà G trả cho ông N tổng số tiền 271.826.136 (Hai trăm bảy mươi một triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi sáu) đồng, cụ thể: Tiền nợ gốc là 240.700.000 (Hai trăm bốn mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng. Tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ 240.700.000 ((Hai trăm bốn mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất 10%/ năm, tính từ ngày 18/6/2023 đến ngày 02/10/2024 (472 ngày) là: $240.700.000 \times 10\% : 365 \times 472 = 31.126.136$ (Ba mươi một triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi sáu) đồng. Việc rút một phần yêu cầu này của ông N là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông N về việc buộc bà G trả số tiền 271.826.136 (Hai trăm bảy mươi một triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi sáu) đồng.

[2.3]. Căn cứ vào bản sao kê tài khoản Ngân hàng của bà Nguyễn Thị G số tài khoản 590423688xxxxx tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam –chi nhánh huyện Vĩnh Cửu- Bắc Đồng Nai (gọi tắt là Ngân hàng A) và bản sao kê tài khoản Ngân hàng của ông Lương Đoàn N số tài khoản 012100240xxxxx tại Ngân hàng V thời gian từ ngày 02/6/2023 đến ngày 30/9/2024, thể hiện trong thời gian từ ngày 19/6/2023 đến ngày 23/8/2023, bà Nguyễn Thị G đã chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng nêu trên của ông N số tiền 240.700.000 (hai trăm bốn mươi triệu bảy trăm ngàn) đồng. Ông N cũng xác nhận bà G đã trả số tiền 240.700.000 (hai trăm bốn mươi triệu bảy trăm ngàn) đồng cho ông. Do đó số tiền gốc bà G còn nợ ông N là 659.300.000 (Sáu trăm năm mươi chín triệu ba trăm nghìn) đồng. Từ sau ngày 23/8/2023 bà G không trả tiền theo thỏa thuận với ông N nên ông N khởi kiện yêu cầu bà G trả số tiền gốc là 659.300.000 (sáu trăm năm mươi chín triệu ba trăm ngàn) đồng. Căn cứ quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của ông N về việc buộc bà G phải trả tiền gốc 659.300.000 (sáu trăm năm mươi chín triệu ba trăm ngàn) đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.4]. Về yêu cầu tính lãi chậm trả:

Hai bên không làm hợp đồng vay tài sản nhưng ông N, bà G đều xác nhận bà G thực hiện giao dịch vay tiền của ông N là có thật, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi suất. Vì vậy xác định đây là hợp đồng vay tiền

không có thời hạn và không có lãi suất. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự thì: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Ngày 17/6/2023, ông N đã nhắn tin qua zalo của bà G để đòi số tiền nợ, bà G đã trả nợ cho ông N tính đến ngày 23/8/2023 số tiền 240.700.000 (hai trăm bốn mươi triệu bảy trăm ngàn) đồng, sau đó bà G không tiếp tục trả nợ số tiền còn lại cho ông N nên ông N đã khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu bà G trả nợ và yêu cầu trả lãi chậm trả tính từ ngày 16/10/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/4/2025) là: $659.300.000 \times 10\% : 365 \times 190 = 34.319.726$ (ba mươi bốn triệu ba trăm mười chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu) đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu tính lãi số tiền 34.319.726 (ba mươi bốn triệu ba trăm mười chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu) đồng của ông N là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ quy định tại Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Đoàn N về việc buộc bà Nguyễn Thị G phải trả cho ông N tổng số tiền là 693.619.726 (Sáu trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm mười chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu) đồng, cụ thể: tiền nợ gốc là 659.300.000 (sáu trăm năm mươi chín triệu, ba trăm nghìn) đồng và tiền lãi chậm trả 34.319.726 (ba mươi bốn triệu ba trăm mười chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu) đồng.

[2.5]. Về lãi suất do chậm thực hiện N vụ trả tiền: Do tại phiên tòa, bị đơn, vắng mặt nên không thỏa thuận được lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì yêu cầu khởi kiện của ông N được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: $693.619.726 \text{ đồng} \times 5\% = 31.744.789$ (ba mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi bốn ngàn, bảy trăm tám mươi chín) đồng.

Hoàn trả cho ông Lương Đoàn N số tiền tạm ứng án phí là 21.245.753 (hai mươi một triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi ba) đồng, đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010056 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

[4]. Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 228, 243, 244, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Đoàn N về việc buộc bà Nguyễn Thị G trả cho ông N tổng số tiền 271.826.136 (Hai trăm bảy mươi một triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi sáu) đồng, cụ thể: Tiền nợ gốc là 240.700.000 (Hai trăm bốn mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng. Tiền lãi chậm trả 31.126.136 (Ba mươi một triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi sáu) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Đoàn N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Nguyễn Thị G.

Buộc bà Nguyễn Thị G phải có nghĩa vụ trả cho ông Lương Đoàn N tổng số tiền 693.619.726 (sáu trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm mười chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu) đồng, cụ thể: Tiền nợ gốc là 659.300.000 (Sáu trăm năm mươi chín triệu, ba trăm nghìn) đồng và tiền lãi chậm trả là 34.319.726 (ba mươi bốn triệu, ba trăm mười chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị G phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 31.744.789 (ba mươi một triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi chín) đồng.

Hoàn trả cho ông Lương Đoàn N số tiền tạm ứng án phí là 21.245.753 (hai mươi một triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi ba) đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010056 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị G vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Tâm

